

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 124/Cty

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023 đối với
BTC năm đã được kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28. Tháng 3. năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**
Mã cổ phiếu: **QNW**
Địa chỉ: 17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi
Mã số thuế: 4300326264
Người đại diện: ông NGUYỄN ĐĂNG ĐO Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023 cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	114.165.281.775	79.957.682.976	34.207.598.799		114.504.400.294	80.338.975.854	34.165.424.440	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>(10=01- 02)</i>	10	114.165.281.775	79.957.682.976	34.207.598.799	42,8%	114.504.400.294	80.338.975.854	34.165.424.440	42,5%
4. Giá vốn hàng bán	11	55.132.663.795	57.634.637.832	(2.501.974.037)	-4,3%	55.152.164.492	57.281.904.687	(2.129.740.195)	-3,7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp <i>(20=10-11)</i>	20	59.032.617.980	22.323.045.144	36.709.572.836		59.352.235.802	23.057.071.167	36.295.164.635	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.445.374.883	4.457.858.018	(1.012.483.135)	-22,7%	3.651.191.501	4.797.667.330	(1.146.475.829)	-23,9%
7. Chi phí tài chính	22	852.954.873	626.805.087	226.149.786	36,1%	456.354.534	578.463.394	(122.108.860)	-21,1%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	456.354.534	578.463.394	(122.108.860)		456.354.534	578.463.394	(122.108.860)	
8. Chi phí bán hàng	25	4.939.612.170	4.163.733.793	775.878.377	18,6%	4.939.612.170	4.163.733.793	775.878.377	18,6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.824.290.606	8.573.683.562	6.250.607.044	72,9%	15.536.836.812	9.326.210.985	6.210.625.827	66,6%



10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	41.861.135.214	13.416.680.720	28.444.454.494	212,0%	42.070.623.787	13.786.330.325	28.284.293.462	205,2%
(30=20+(21-22)-(25+26))									
11. Thu nhập khác	31		40.595		0,0%		40.595		
12. Chi phí khác	32	31.968.822	66.231.421	(34.262.599)	-51,7%	42.185.824	100.792.333	(58.606.509)	-58,1%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(31.968.822)	(66.190.826)	34.222.004		(42.185.824)	(100.751.738)	58.565.914	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	41.829.166.392	13.350.489.894	28.478.676.498	213,3%	42.028.437.963	13.685.578.587	28.342.859.376	207,1%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.549.278.720	2.847.590.198	5.701.688.522		8.589.133.034	2.914.607.937	5.674.525.097	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	33.279.887.672	10.502.899.696	22.776.987.976	216,9%	33.439.304.929	10.770.970.650	22.668.334.279	210,5%
(60=50-51-52)									
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						33.375.538.026	10.663.742.268		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						63.766.903	107.228.382		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						1.669	488		
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng cao 216,9% so với năm 2023 với lý do : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao, doanh thu hoạt động tài chính giảm ,trong khi giá vốn hàng bán giảm nhưng không đáng kể và chi phí quản lý cũng tăng so với các chỉ tiêu khác, cụ thể:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao 42,8% , diễn hình đơn giá tiền nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023
- + Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh 22,7% do lãi suất tiền gửi các ngân hàng thương mại giảm
- + Chi phí tài chính tăng cao 36,1% do trích lập dự phòng khoản đầu tư tại công ty con tăng, chi phí khác giảm sâu 51,7%

+ Giá vốn hàng bán giảm 4,3% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 72,9% cụ thể là khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 5.044.234.000 đồng, chí phí bán hàng tăng 18,6%

Từ các chỉ tiêu nêu trên dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng 216,9% so với năm 2023

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng cao 210,5% so với năm 2023 với lý do : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao, doanh thu hoạt động tài chính giảm ,trong khi giá vốn hàng bán giảm nhưng không đáng kể và chi phí quản lý cũng tăng cao so với các chỉ tiêu khác, cụ thể:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao 42,5% , vì đơn giá tiền nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023
- + Doanh thu hoạt động tài chính giảm 23,9% do lãi suất tiền gửi các ngân hàng thương mại giảm

- + Chi phí tài chính giảm 21,1%, chi phí khác giảm sâu 58,1%
- + Giá vốn hàng bán giảm nhẹ 3,7% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 66,6% cụ thể là khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 5.044.234.000 đồng, chi phí bán hàng tăng 18,6%
- + Từ các chỉ tiêu nêu trên dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng 210,5% so với năm 2023

Trân trọng

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu P. TC - KT, P.HC

